

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 16/11/2017

V/v “tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Trà.

2. Ông Trần Đình Thân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Thái Nữ Trâm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16/11/2017, tại Hội trường xét xử số 1, Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 70/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/8/2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐXXST-DS ngày 19/10/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T. Sinh năm 1978.

Địa chỉ: Xóm 11, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T, Luật sư - Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến S, Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Xóm 11, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: 169, phố Linh Dương, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, do ông Lê Viết T, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: Số 27, đường Huy Cận, tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản ghi ý kiến của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tiến S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hà Linh, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 20/4/2001. Do anh S thường xuyên rượu chè, về nhà chửi bới, xúc phạm, đánh đập vợ con, không chăm lo cho cuộc sống chung của gia đình, mặc dù chị T đã nhắc nhở nhiều lần nhưng anh S vẫn không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Tình cảm giữa chị T và anh S đến nay không còn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Tiến S.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 5 con chung. Con thứ nhất tên là Nguyễn Việt Tr; sinh ngày 05/5/2002. Con thứ hai tên là Nguyễn Việt K; sinh ngày 22/5/2005. Con thứ ba tên là Nguyễn Thị Kim T; sinh ngày 24/11/2007. Con thứ tư tên là Nguyễn Thị Phương U; sinh ngày 25/4/2011. Con thứ năm tên là Nguyễn Thị Phương L; sinh ngày 25/4/2011.

Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên là Nguyễn Việt K; sinh ngày 22/5/2005 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nhưng đến ngày 24/9/2017, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có làm đơn thay đổi nội dung khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, chỉ yêu cầu giải quyết khoản nợ vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Tại phiên hòa giải lần 2 ngày 17/10/2017, vợ chồng cũng đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung và khoản nợ chung vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo đơn khởi kiện của ngân hàng tổng số tiền là 73.923.416đ (Bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm mười sáu đồng). Qua trình giải quyết chị T đã trả số tiền 2.942.240 đ, nay hai vợ chồng và Ngân hàng chính sách xã hội huyện H thống nhất tổng số tiền nợ vay còn lại phải trả là 70.981.176 đ (Bảy mươi triệu chín trăm tám mươi một ngàn một trăm bảy mươi sáu đồng), hai vợ chồng thống nhất chia đôi số tiền nợ để trả cho Ngân hàng. Nhưng giữa hai vợ chồng và Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Hà Tĩnh không thỏa thuận được với nhau về thời gian trả nợ, buộc Tòa án phải ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Hà Tĩnh ông Lê Viết T, chức vụ: Giám đốc, thống nhất về số nợ gốc và lãi hiện nay đến thời điểm xét xử (ngày 16/11/2017) của nguyên đơn và bị đơn còn lại là 70.981.176đ (Bảy mươi triệu chín trăm tám mươi một ngàn một trăm bảy mươi sáu đồng). Buộc chị T và anh S phải có trách nhiệm trả nợ trước khi Tòa giải quyết cho hai vợ chồng ly hôn nhằm đảm bảo khoản vay cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, luật sư Nguyễn Trung Tuyển trình bày: Việc chị T làm đơn xin ly hôn chồng là do bạo lực gia đình, quá trình tham gia hòa giải hai vợ chồng đã thống nhất thỏa thuận về các mối quan hệ, xét thấy việc xin ly hôn của chị T là chính đáng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh S theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật có ý kiến như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi tiến hành thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 55 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn T, công nhận thuận tình ly hôn của chị T và anh S. Đồng ý cho chị T ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tiến S đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014 giao các cháu Nguyễn Việt T - sinh ngày 05/5/2002; Nguyễn Thị Kim T - sinh ngày 24/11/2007; Nguyễn Thị Phương U - sinh ngày 25/4/2011 và Nguyễn Thị Phương L - sinh ngày 25/4/2011 cho anh Nguyễn Tiến S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Nguyễn Việt K - sinh ngày 22/5/2004 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Hai vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tiến S thống nhất chia đôi khoản nợ chung số tiền 70.981.176đ mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ số nợ, nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 59, Điều 60 Luật hôn nhân gia đình buộc chị T và anh S phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H tương đương với số tiền được chia, cụ thể: Chị T: 35.490.588đ; Anh S: 35.490.588đ.

* Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội huyện H buộc anh S và chị T phải trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H. Tuy nhiên không chấp nhận ý kiến của Ngân hàng chính sách xã hội huyện H tại các phiên hòa giải cũng như ý kiến tại phiên tòa hôm nay: Yêu cầu chị T và anh S phải trả nợ trước mới được ly hôn.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 11; Điểm a, b khoản 1 Điều 24 và điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc:

+ Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 150.000đ tiền án phí dân sự không có giá ngạch và 1.774.529đ tiền án phí có giá ngạch.

+ Bị đơn anh Nguyễn Tiến S phải chịu 1.774.529đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

+ Ngân hàng chính sách xã hội huyện H thuộc trường hợp không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tiến S tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hà Linh, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 20/4/2001. Sau khi xây dựng gia đình, hai bên chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh S thường xuyên rượu chè, chửi bới, đánh đập vợ con, không có trách nhiệm gì với gia đình, vợ con. Mặc dù chị T và hai bên gia đình khuyên nhủ rất nhiều lần nhưng không có kết quả; dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã xung đột với nhau. Giữa hai bên không còn quan hệ với nhau về tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trở nên trầm trọng không hàn gắn được, cuộc sống chung giữa hai bên không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh S là có căn cứ, quá trình hòa giải vợ chồng không thể đoàn tụ với nhau được nữa mà đã thỏa thuận ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 5 con chung: Con thứ nhất tên là Nguyễn Việt T, sinh ngày 05/5/2002. Con thứ hai tên là Nguyễn Việt K, sinh ngày 22/5/2005. Con thứ ba tên là Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 24/11/2007. Con thứ tư tên là Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 25/4/2011. Con thứ năm tên là Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 25/4/2011.

Nay ly hôn, chị T và anh S đã thỏa thuận với nhau chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con tên là Nguyễn Việt K; sinh ngày 22/5/2005 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) đồng thời con Nguyễn Việt K cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Anh được trực tiếp nuôi dưỡng bốn con: Nguyễn Việt T, sinh tháng 5/2002; Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 24/11/2007; Nguyễn Thị Phương U; sinh ngày 25/4/2011; Nguyễn Thị Phương L; sinh ngày 25/4/2011 cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi) đồng thời cả 4 con đều cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Điều này là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với thực tế cũng như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hiện nay bốn cháu T, T, U, L đều đang ở cùng với bố, đã có nhà cửa và bảo đảm việc học hành ổn định cho các cháu, còn chị Th đã bỏ về bên nhà ngoại ở nên cuộc sống không ổn định, gặp nhiều khó khăn hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên giao các cháu cho hai bên cha mẹ nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh S đều không yêu cầu hai bên phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung lẫn nhau, không ai được quyền ngăn cấm là phù hợp với điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Sau này hai bên có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay các bên đã thống nhất được về tổng giá trị tiền nợ đến ngày xét xử còn lại là: 70.981.176 đ (Bảy mươi triệu chín trăm tám mươi một ngàn một trăm bảy mươi sáu đồng) bao gồm cả gốc và lãi, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 59, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận mỗi người đều có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, số tiền mỗi người phải trả là: 35.490.588đ (Ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ngàn năm trăm tám mươi tám đồng). Tuy nhiên giữa đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện H và hai vợ chồng chị T, anh S không thỏa thuận được về thời gian trả nợ. Ngân hàng chính sách xã hội huyện H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng trả nợ trước khi Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội huyện H là không có căn cứ, do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận chia $\frac{1}{2}$ số tiền nợ của hai vợ chồng trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, không chấp nhận việc Ngân hàng chính sách xã hội huyện H yêu cầu vợ chồng chị T, anh S trả nợ trước khi Tòa án giải quyết cho ly hôn. Điều này là hoàn toàn phù hợp với lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm c khoản 1 Điều 11; Điểm a, b khoản 1 Điều 24; Điểm a, b khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 150.000 đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 1.774.529đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi tư ngàn năm trăm hai mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Buộc anh Nguyễn Tiến S phải chịu 1.774.529đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi tư ngàn năm trăm hai mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ngân hàng chính sách xã hội huyện H thuộc trường hợp không phải chịu án phí.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 60, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm c khoản 1 Điều 11; Điểm a, b khoản 1 Điều 24; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến S và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự. Giao con Nguyễn Việt K; sinh ngày 22/5/2005 cho chị Thành trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con Nguyễn Việt T, sinh ngày 05/5/2002; Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 24/11/2007; Nguyễn Thị Phương U; sinh ngày 25/4/2011; Nguyễn Thị Phương L; sinh ngày 25/4/2011 cho anh Nguyễn Tiến S nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đương sự được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản đồng thời anh Nguyễn Tiến S và chị Nguyễn Thị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của nhau.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Hà Tĩnh về khoản tiền vay nợ chung của hai vợ chồng.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Hà Tĩnh số tiền là: 35.490.588đ (Ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ngàn năm trăm tám mươi tám đồng) nợ gốc cùng lãi phát sinh tính đến ngày xét xử 16/11/2017.

Buộc anh Nguyễn Tiến S phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Hà Tĩnh số tiền là: 35.490.588đ (Ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ngàn năm trăm tám mươi tám đồng) nợ gốc cùng lãi phát sinh tính đến ngày xét xử 16/11/2017.

Kể từ ngày có quyết định thi hành án nếu người có nghĩa vụ không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự.

5. Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 1.774.529đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi tư ngàn năm trăm hai mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị Nguyễn Thị T đã nộp 300.000đ (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0004087 ngày 09/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Nay chị T còn phải nộp thêm 1.624.529đ (Một triệu sáu trăm hai mươi tư ngàn năm trăm hai mươi chín đồng).

Buộc anh Nguyễn Tiến S phải chịu 1.774.529đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi tư ngàn năm trăm hai mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Ngân hàng CSXH huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã Hà Linh, huyện H;
- Lưu hồ sơ + VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Trọng Hùng

